

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 13/8/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐ-PT ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hải T, sinh năm 1983; Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Bích N, sinh năm 1984; Có mặt.

Đều ĐKKHKT và cư trú: Số B C, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo: Chị Bùi Thị Bích N. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hải T và chị Bùi Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H ngày 26/12/2016. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, xúc phạm nhau. Mặc dù vẫn sống chung cùng nhà nhưng anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ và độc lập về sinh hoạt, kinh tế. Hơn nữa, giữa mẹ đẻ anh và chị N không hòa hợp nên không khí gia đình luôn căng thẳng. Thực tế, anh chị đã ly thân bốn năm, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo một cuộc sống riêng. Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Chị N cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về mọi mặt từ lối sống, nếp nghĩ, cách nuôi dạy con và cách đối nhân xử thế hàng ngày. Chị luôn cảm thấy bất an khi sống trong gia đình anh T, tuy nhiên anh T xin ly hôn, chị không đồng ý. Trường hợp anh chị thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con thì chị nhất trí ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Huyền T1, sinh ngày 09/5/2020. Anh T nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con. Hiện nay anh đang công tác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H, thu nhập bình quân 13.816.000đ/tháng. Với mức thu nhập như trên anh vừa trang trải sinh hoạt gia đình ngoài ra còn nuôi con riêng là cháu Phạm Hải N1 sinh ngày 11/7/2011 nên anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.500.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Chị N là giáo viên tại trường Trung học cơ sở L, thu nhập bình quân 9.546.000đ/tháng. Chị đề nghị được nuôi con và mong muốn con được phát triển toàn diện về mọi mặt nên yêu cầu anh Trung cấp d theo từng giai đoạn. Giai đoạn mầm non tính đến hết tháng 5/2026 là 5.805.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2026 đến tháng 5/2032 là 5.710.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2032 đến tháng 5/2035 là 7.554.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2036 đến tháng 5/2039 là 7.663.000 đồng/tháng. Hình thức cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung với gia đình hai bên: Vợ chồng không có nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phạm Hải N1 trình bày: Cháu là con chung của bố Phạm Hải T và mẹ Chu Thị Ngọc Q. Hiện nay cháu đang học lớp 7K, trường THCS V. Bố mẹ cháu ly hôn từ khi cháu học lớp 1, hiện nay mẹ cháu ở trên Hà Nội do bận công việc nên thỉnh thoảng mẹ cháu mới về thăm và cho quà cháu. Cháu không biết mẹ đẻ có đưa

tiền cho bố để nuôi cháu hay không, hiện tại bà nội và bố cháu lo cho cháu học tập và sinh hoạt đầy đủ.

Tại văn bản trình bày của chị Chu Thị Ngọc Q thể hiện: Chị và anh T đã thuận tình ly hôn vào năm 2017. Theo quyết định của Tòa án anh T là người trực tiếp nuôi con Phạm Hải N1 cho đến khi thành niên, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do hiện nay chị có gia đình mới và sống tại Hà Nội nên ít khi về thăm con, hai mẹ con chỉ nói chuyện với nhau qua điện thoại. Chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại Giấy xác nhận của Trường mầm non C thể hiện cháu Phạm Huyền T1 hiện là học sinh lớp 3TA của trường, các khoản thu phải đóng tháng 4/2024 của cháu là 1.210.000 đồng.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về hôn nhân:* Anh Phạm Hải T được ly hôn anh chị Bùi Thị Bích N.

2. *Về con chung:* Giao con chung Phạm Huyền T1, sinh ngày 09/5/2020 cho chị Bùi Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng con chung 2.500.000 đồng/tháng từ tháng 5/2024 cho đến khi thành niên.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí và quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2024 chị Bùi Thị Bích N kháng cáo bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, đề nghị xem xét lại mức cấp dưỡng cho con để cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị anh T tăng mức cấp dưỡng cho con, ngoài ra chị không kháng cáo nội dung nào khác.

Nguyên đơn anh Phạm Hải T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày không nhất trí nội dung kháng cáo của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Bích N.

- Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Chị Bùi Thị Bích N phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của chị Bùi Thị Bích N trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Hải T vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về con chung: Anh Phạm Hải T và chị Bùi Thị Bích N có 01 con chung là Phạm Huyền T1, sinh ngày 09/5/2020. Anh T và chị N thống nhất giao cháu Phạm Huyền T1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 thành niên (tròn 18 tuổi) nên cấp sơ thẩm giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị N yêu cầu anh Trung cấp d cho con theo từng giai đoạn. Giai đoạn mầm non tính đến hết tháng 5/2026 là 5.805.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2026 đến tháng 5/2032 là 5.710.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2032 đến tháng 5/2035 là 7.554.000 đồng/tháng; từ tháng 6/2036 đến tháng 5/2039 là 7.663.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân gia đình, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết

yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Anh T có thu nhập 13.816.000đ/tháng, anh phải chi phí cho bản thân và trang trải sinh hoạt gia đình, bên cạnh đó anh còn nuôi con riêng là Phạm Hải N1 đang trong độ tuổi ăn học. Chị N mong muốn con chung có nền tảng giáo dục tốt, được phát triển toàn diện về mọi mặt văn - thể - mỹ là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, nhiều chi phí chị N liệt kê như tổ chức cho con đi chơi, sinh nhật, chụp ảnh, múa, khiêu vũ, piano...không phải những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học tập của con mà là để đáp ứng sinh hoạt ở mức cao hơn nên anh T không nhất trí. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của chị N.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Bùi Thị Bích N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Bích N. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương như sau:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228; Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Anh Phạm Hải T ly hôn anh chị Bùi Thị Bích N.

2. *Về con chung:* Giao con chung Phạm Huyền T1, sinh ngày 09/5/2020 cho chị Bùi Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18

tuổi). Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng con chung 2.500.000 đồng/ tháng từ tháng 5/2024 cho đến khi thành niên.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003318 ngày 21/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường